



*Người đại diện theo pháp luật:* Chủ tịch UBND huyện B “ Ông Đỗ Thiết K. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* Bà Bùi Thị H, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã B; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn T  
- Chủ tịch ủy ban nhân dân xã B, huyện B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Hợp tác xã Nông nghiệp xã B, huyện B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Anh X - Giám đốc Hợp tác xã Nông nghiệp xã B, huyện B. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B, tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Quang T - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/8/2020).

Địa chỉ: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Hồ T; có mặt

5. Bà Nguyễn Thị H; vắng mặt

6. Ông Hồ K Đ; vắng mặt

7. Ông Hồ K T; có mặt

8. Ông Hồ K N; vắng mặt

9. Ông Hồ K N; có mặt

10. Chị Hồ Thị K C; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Đội 11, thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

11. Chị Hồ Thị K Đ; địa chỉ: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, chị Hồ Thị K C, chị Hồ Thị K Đ:* ông Hồ T (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/4/2020). Có mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hồ T:* Ông Nguyễn Quốc T - Luật sư Công ty Luật TNHH Luật V TPHCM - Chi nhánh Quảng Ngãi; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

12. Bà Bùi Thị C. Vắng mặt

13. Ông Hồ Văn H. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị C, ông Hồ Văn H: Ông Hồ Văn L (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2020). Có mặt

14. Bà Hồ Thị H. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Đội 11, thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi

15. Bà Hồ Thị K; địa chỉ: Xã Bình Hiệp, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2019, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Hồ Văn L trình bày:*

Vào năm 1993, gia đình ông là hộ sản xuất nông nghiệp của Hợp tác xã nông nghiệp xã B tham gia dự án trồng rừng theo chính sách của nhà nước thực hiện dự án PAM-4304 với chủ trương phủ xanh đồi trọc trên diện tích 70ha. Hộ gia đình ông được chính quyền và chủ dự án giao phần đất 04ha tại Núi Lớn (Thôn L, xã B, huyện B). Việc giao đất được thực hiện công khai, có hồ sơ văn bản rõ ràng và được trực tiếp giao đất trên thực địa. Tài liệu do Nhà nước ban hành tại thời điểm nêu trên gồm có: Tờ trình năm 1993 về dự án PAM-4304; Tài liệu “Thuyết minh” dự án năm 1993; Tài liệu “Thiết kế trồng rừng dự án 4304 HTX nông nghiệp” năm 1993; danh sách hộ trồng rừng dự án 4304 HTX NN” năm 1993; Đơn xin nhận đất, nhận rừng của hộ ông Hồ Văn L năm 1993; Hợp đồng “V/v trồng rừng theo dự án PAM 4304” của hộ ông Hồ Văn L. Ngoài việc được giao đất trên thực địa thì gia đình ông còn được dự án hỗ trợ cấp 8.000 cây giống gồm bạch đàn, keo lai để canh tác. Sau khi nhận đất và được hỗ trợ cây giống, gia đình ông canh tác trực tiếp trên đất với tâm huyết của người nông dân và vận động, khuyến khích từ chính quyền địa phương. Sự việc này đến nay vẫn còn nhân chứng, tài liệu lưu trữ của cá nhân ông và chính quyền; có tài liệu, nhân chứng là những người cùng nhận đất, cùng canh tác trong dự án.

Đến năm 2013, trong giai đoạn ông bị bệnh phải chữa trị thì ông Hồ T tiến hành đốn cây trên đất của ông để bán lấy tiền bất hợp pháp. Khi phát hiện ra sự việc ông đã có đơn tố cáo và khiếu nại đến UBND xã B, UBND huyện B và chính quyền cấp tỉnh nhưng không được giải quyết kịp thời dẫn đến sự việc kéo dài đến nay.

Căn cứ biên bản làm việc ngày 10/01/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B có ghi nhận: Từ ngày 10/7/2013, ông đã có đơn khiếu nại việc ông Hồ T đốn cây trồng của ông để bán và lấn chiếm đất đã được cấp cho ông theo dự án PAM-4304 từ năm 1993. Liên tục năm 2014 đến năm 2019, ông tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng chính quyền không giải quyết triệt để.

Hiện nay, toàn bộ diện tích đất của ông nằm trong dự án quy hoạch Cụm công nghiệp B. Trong lúc UBND xã B và UBND huyện B đang giải quyết khiếu nại tranh chấp đất giữa ông và ông Hồ T thì UBND huyện B ban hành Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 về thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Hồ T và Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hồ T trên cả đất tranh chấp đã được ông Hồ T thừa nhận lấn chiếm của ông, bất chấp việc tranh chấp khiếu nại của ông từ năm 2013 vẫn chưa được xem xét giải quyết. Như vậy, về thủ tục là chưa đúng theo quy định

pháp luật, vì đất đang có tranh chấp thì số tiền đền bù cần chuyển vào Ngân hàng nhà nước để đảm bảo quyền lợi cho các bên tranh chấp cũng như sự công bằng về quyền lợi cho các bên cho đến khi sự việc tranh chấp được giải quyết thông qua văn bản có hiệu lực thi hành của cơ quan có thẩm quyền.

Việc khiếu nại của ông và ông Hồ T trải qua thời gian kéo dài từ năm 2013 đến thời điểm hiện nay vẫn chưa được giải quyết dứt điểm; đến năm 2016, khi có dự án Cụm công nghiệp B, UBND huyện B ban hành Quyết định thu hồi đất và chỉ trả bồi thường không đúng quy trình, thủ tục nên buộc ông phải khiếu nại cơ quan hành chính nhà nước. Tuy nhiên, đến khi giải quyết khiếu nại của ông thì UBND huyện B ban hành Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông là không đúng sự thật và đưa ra những căn cứ không đúng pháp luật để giải quyết khiếu nại của ông. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

Hủy Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 và Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND huyện B về việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hồ T.

Hủy Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông.

*Tại Văn bản số 714/UBND ngày 31/3/2020, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:*

Vị trí thửa đất ông Hồ Văn L đang khiếu nại thuộc một phần thửa đất số 332, tờ bản đồ số 11 (bản đồ địa chính năm 2002), xã B, loại đất: Đất rừng sản xuất (RSX), diện tích 709104m<sup>2</sup>. Theo bản đồ địa chính khu đất thực hiện dự án thuộc 01 phần thửa đất 796, tờ bản đồ số 01 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 09/8/2016), xã B, diện tích 33.616m<sup>2</sup>.

*Về nguồn gốc và quá trình sử dụng:* Trước năm 1993 đất do Hợp tác xã Nông nghiệp B quản lý; đến 1993, thực hiện chương trình PAM-4304, Ban quản lý dự án rừng thuộc UBND huyện ký hợp đồng trồng rừng với ông Hồ Văn L diện tích khoảng 4ha, ông đã nhận cây bạch đàn trồng trên 01 phần diện tích đất được giao; khoảng năm 1994 - 1996, Hợp tác xã Nông nghiệp B được giao quản lý theo dõi, kiểm tra thấy diện tích trồng cây bạch đàn của ông L chỉ trồng 01 phần, bị chết, diện tích còn lại bỏ hoang; để hoàn thiện thực hiện chương trình PAM phủ xanh đất trống đồi núi trọc, Hợp tác xã giao cho ông Hồ T khai hoang phục hóa và trồng cây trên toàn bộ diện tích đã giao cho ông Hồ Văn L. Từ đó đến nay, ông Hồ T quản lý trồng cây và khai thác được hơn 02 mùa (trên 10 năm), trong khoảng thời gian từ năm 1996 đến năm 2012, ông T trồng cây và khai thác thì ông Hồ Văn L không có khiếu nại, tranh chấp đất đai và tài sản trên đất liên quan đến thửa đất ông T canh tác. Đến năm 2013, ông Hồ Văn L phát sinh đơn đến UBND xã B yêu cầu giải quyết tranh chấp giữa ông L và ông Hồ T; UBND xã B tiến hành hòa giải không thành nên hướng dẫn ông L khởi kiện đến Tòa án để xem xét tranh chấp đất đai và tài sản trên đất.

*Quá trình giải quyết khiếu nại của ông Hồ Văn L:* Ông khiếu nại UBND huyện

B thu hồi đất của gia đình ông để thực Cụm công nghiệp B nhưng không ban hành quyết định thu đất, không bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại một phần thửa đất số 322, tờ bản đồ số 11 (Bản đồ địa chính năm 2002), xã B, loại đất: Đất rừng sản xuất (RSX), diện tích 709.104m<sup>2</sup>; theo bản đồ địa chính khu đất thực hiện dự án Cụm công nghiệp B thuộc một phần thửa đất số 796, tờ bản đồ số 01 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 09/8/2016), xã B, diện tích 33.616m<sup>2</sup> là dựa vào nguồn gốc đất do nhận trồng rừng theo dự án PAM-4304 của Ban quản lý dự án đã ký kết với ông Hồ Văn L để khiếu nại, nhưng thực tế ông Hồ Văn L không quản lý và không phải là người trực tiếp sử dụng thửa đất này từ năm 1994 đến 2013 là 20 năm. Ông L không cung cấp được các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ, cũng như các loại giấy tờ khác để chứng minh, việc sử dụng đất của ông trên thửa đất này.

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013; điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai 2013 thì ông Hồ Văn L không đủ điều kiện để được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; do đó cũng không đủ điều kiện để thu hồi, bồi thường khi Nhà nước thực hiện dự án Cụm công nghiệp B đối với diện tích 32.668,5m<sup>2</sup> thuộc 01 phần thửa đất số 322, tờ bản đồ số 11 (Bản đồ địa chính năm 2002), xã B, loại đất: Đất rừng sản xuất (RSX); theo bản đồ địa chính khu đất thực hiện dự án Cụm Công nghiệp (được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 09/8/2016) thuộc một phần thửa đất 796, tờ bản đồ số 01.

Việc ông L tranh chấp với ông Hồ T từ năm 2013 được UBND xã B hòa giải không thành, ông L gửi đơn đến Tòa án huyện B và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án tại Quyết định số 08/2016/QĐDS-ST ngày 30/6/2016. UBND xã B ban hành Thông báo số 52/TB-UBND ngày 26/7/2016 nhưng qua thời gian niêm yết UBND xã B không nhận bất kỳ đơn khiếu nại, tranh chấp nào của ông L nên UBND xã B đã xác lập hồ sơ cho ông Hồ T. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã tổ chức làm việc với ông Hồ Văn L vào các ngày 27/9/2018, ngày 10/01/2019 và có đề nghị ông Hồ Văn L cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nội dung khiếu nại và thửa đất đang có tranh chấp nhưng ông L không cung cấp được.

Mặt khác diện tích 32.668,5m<sup>2</sup> thuộc 01 phần thửa đất 796, tờ bản đồ số 01, xã B, loại đất: Đất rừng sản xuất (RSX) được UBND xã B xác nhận chủ sử dụng đất là hộ ông Hồ T sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004 đến thời điểm thực hiện dự án, không có tranh chấp, không vi phạm pháp luật đất đai nên đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, UBND huyện ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ về đất đai, tài sản trên đất cho hộ ông Hồ T diện tích 32.668,5m<sup>2</sup> thuộc 01 phần thửa đất 796, tờ bản đồ số 01, xã B, loại đất: Đất rừng sản xuất (RSX), thuộc dự án Cụm công nghiệp B là đảm bảo quy định pháp luật.

*- Ý kiến của người bị kiện đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn L:*

Việc UBND huyện B ban hành Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 và Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 về việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hồ T và Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại là đúng đối tượng và đảm bảo theo quy định của pháp luật.

*Tại đơn trình bày ngày 02/3/2020 và tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, chị Hồ Thị K C, Hồ Thị K D; ông Hồ T trình bày:*

Năm 1993, dự án PAM-4304 về triển khai chương trình trồng cây phủ xanh đồi trọc tại xã B, huyện B thì toàn đội có 08 người nhận đất trồng rừng tại Núi Lớn thôn L, xã B, huyện B gồm các ông Hồ T, Hồ Văn T, Đặng H, Nguyễn Q, Mai L, Nguyễn S, Hồ T và Hồ Văn L. Thời điểm này ông Phạm Ngọc A là Trưởng ban kế hoạch Hợp tác xã Nông nghiệp xã B đến phân bổ, bốc thăm phân đất từ hướng Tây sang Đông theo chiều ngang, chiều dài từ Nam ra Bắc. Sau khi phát băng đào hố xong thì đến nhận cây giống về trồng, riêng ông Hồ Văn L đến nhận cây nhưng không trồng vì ông đi Miền Nam làm ăn bỏ hoang đất trống. Năm 1994, Hợp tác xã tiến hành kiểm tra, nghiệm thu thấy đất ông L đã nhận nhưng không trồng trọt gì thì ông A có nói nếu không trồng hết đất thì dự án PAM vào nghiệm thu sẽ cắt mọi chi phí đầu tư toàn xã vận động viên nhân dân trồng. Sau khi một số người dân trồng khoảng 3,5ha thì còn lại đoạn giữa hố sâu toàn là cây chà là, móc mèo, ắt ó không ai trồng cả; thấy vậy ông vận động các con lên đào xới khai hoang, trong 01 năm bỏ ra công sức quá nhiều, không lấy gì trả công nên ông chia mỗi đứa 01 sào để trồng cây từ năm 1994 đến nay, cứ 05 năm bán 01 lần không có ai ngăn cản, tranh chấp. Mãi đến năm 2014 (20 năm sau), ông L trở về làm đơn khởi kiện, nói ông lấn chiếm đất của ông và vu khống ông đồn chặt cây rừng do ông L trồng, ông L khởi kiện ông đến Tòa án nhân dân huyện B yêu cầu ông phải trả cho ông L 49 triệu đồng, vu khống vô cơ cho ông. Sau đó, Tòa án đình chỉ giải quyết, nghe nói ông L đã rút đơn vì không có chứng cứ đi kiện. Việc UBND huyện thu hồi đất để mở Khu Công nghiệp tại Núi Lớn là hoàn toàn đúng đắn nên ông thống nhất giao đất và huyện cũng đã bồi thường tiền đất đai và bồi thường tiền cây cối cho ông là phù hợp. Việc ông L khởi kiện vụ án hành chính, đề nghị Tòa án xem giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại Văn bản số 22/UBND ngày 08/4/2020 của UBND xã B; Văn bản số 05/HTX ngày 22/5/2020 của Hợp tác xã Nông nghiệp B việc khiếu kiện của ông Hồ Văn L và ông Hồ T ở thôn L, xã B và tại phiên tòa; Ủy ban nhân dân xã và Hợp tác xã Nông nghiệp B trình bày:*

Năm 1994, Ủy ban nhân dân huyện B triển khai dự án chương trình PAM -4304 về việc trồng cây phủ xanh đất trống đồi núi trọc tại khu rừng L, xã B, ủy ban nhân dân xã B giao cho Hợp tác xã Nông nghiệp B kêu gọi nhân dân nhận đất trồng cây, hộ ông Hồ Văn L có nhận đất nhưng không trồng cây mà bỏ đi miền Nam. Năm 1994, Hợp tác xã nông nghiệp B kiểm tra phát hiện diện tích giao cho ông L không thực hiện trồng cây và chăm sóc theo hợp đồng đã cam kết nên ông Phạm Ngọc A - nguyên Trưởng ban kế hoạch Hợp tác xã

Nông nghiệp B - giao lại cho ông Hồ T trồng phần diện tích của ông Hồ Văn L và sử dụng liên tục từ đó đến năm 2016 thì UBND huyện thu hồi để xây dựng khu công nghiệp B.

Tuy ông Hồ Văn L có nhận đất theo dự án PAM nhưng ông không trồng, sau khi Hợp tác xã kiểm tra nghiệm thu phát hiện đất ông L bỏ trống, Hợp tác xã giao đất cho ông Hồ T nhận đất để trồng và chăm sóc, sử dụng liên tục đến năm 2016, UBND huyện bồi thường trên phần đất mà ông L tranh chấp cho ông Hồ T là đúng.

*Tại Văn bản số 79/PTQĐ ngày 06/4/2020 về việc cung cấp thông tin, hồ sơ kiểm kê, bồi thường của hộ ông Hồ T, ở xã B, huyện B và tại phiên tòa; Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B trình bày:*

Về hồ sơ bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hồ T; Trung tâm đã chi tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hồ T qua 02 phiếu chi ngày 01/12/2016 với số tiền: 25.872.556 đồng và Phiếu chi ngày 27/3/2016 với số tiền 1.867.964.340 đồng; 02 biên bản chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; 02 bảng áp giá bồi thường, hỗ trợ; 01 biên bản kiểm kê đất đai và tài sản trên đất. Do đó, việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B cho hộ ông Hồ T là đảm bảo trình tự, thủ tục của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại Bản trình bày cùng ngày 28/5/2020; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị K và bà Hồ Thị H:*

Hai bà với ông Hồ Văn L là anh em ruột, các bà có biết vào năm 1993, hộ ông Hồ Văn L được nhà nước giao đất rừng để trồng cây keo. Vào thời điểm nhà nước cấp đất trồng rừng thì bà K, bà H có hộ khẩu chung với ông Hồ Văn L vì lúc đó chưa có chồng; nhưng chỉ có ông L là người trực tiếp quản lý và trồng cây chứ các bà không có liên quan gì. Hiện nay, hai bà đều lập gia đình và ở riêng nên không liên quan, không có ý kiến hay khiếu nại gì đến khởi kiện của ông Hồ Văn L. Vì vậy, qua bản trình bày này, hai bà xin vắng mặt tất cả các phiên tòa do Tòa án các cấp xét xử về việc khởi kiện của ông Hồ Văn L.

*Tại văn bản ủy quyền cho ông Hồ Văn L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị C, ông Hồ Văn H có ý kiến:* Thống nhất với nội dung trình bày của ông Hồ Văn L.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Hồ K Đ, ông Hồ K T, ông Hồ K N, ông Hồ K N trình bày:* Thống nhất ý kiến của ông Hồ T đã trình bày.

*Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:*

Căn cứ vào nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng thửa đất liên tục từ năm 1994 đến năm 2013 của ông Hồ T; trên cơ sở xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã B; UBND huyện B ban hành Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 về việc thu hồi đất, Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hồ T là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 bác nội dung khiếu nại của ông Hồ Văn L là có căn cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bác

toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Hồ Văn L về yêu cầu hủy các Quyết định nêu trên.

*Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ T:* Ông Hồ T là người quản lý, sử dụng và trồng cây trên thửa đất liên tục 20 năm nên căn cứ theo khoản 2 Điều 101; khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013; UBND huyện B ban hành Quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ về thu hồi đất, tài sản trên đất cho hộ ông Hồ T là đúng quy định. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn L.

***Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án số 19/2020/HC-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:***

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204 Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 62; Điều 63 và khoản 2 Điều 66; Điều 69; Điều 74; khoản 1 Điều 75; khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Luật Khiếu nại năm 2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại; *Tuyên xử:*

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn L về yêu cầu hủy các Quyết định:

Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của UBND huyện B về thu hồi đất của hộ ông Hồ T, ở xã B.

Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND huyện B về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hồ T, xã B, huyện B

Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Văn L, thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 04/9/2020, người khởi kiện – ông Hồ Văn L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông để hủy các Quyết định:

- Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của UBND huyện B về việc thu hồi đất của ông Hồ T.

- Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hồ T.

- Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông.



Vì các Quyết định nêu trên không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu như trên; Người bảo vệ quyền lợi cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Phiên tòa phúc thẩm được triệu tập lần thứ hai, Người kháng cáo mặt tại phiên tòa; Người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xét kháng cáo của ông Hồ Văn L kháng cáo yêu sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông để hủy các Quyết định:

- Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của UBND huyện B về việc thu hồi đất của ông Hồ T;

- Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hồ T;

- Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông (sau đây gọi tắt là các Quyết định số 993, 2293 và 2630 ) thì thấy:

[2.1]. Về nguồn gốc thửa đất: Vị trí thửa đất ông Hồ Văn L khiếu nại, tranh chấp với ông Hồ T theo bản đồ địa chính được đo vẽ năm 2002 thuộc 01 phần thửa đất 322 tờ bản đồ số 11, loại đất: Đất rừng sản xuất. Theo bản đồ địa chính khu đất thực hiện dự án Cụm công nghiệp B thuộc một phần thửa đất số 796, tờ bản đồ số 01 (Bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi thẩm định ngày 09/8/2016), diện tích thu hồi 32.668,5m<sup>2</sup>, loại đất: Đất rừng sản xuất.

Về quá trình quản lý, sử dụng thửa đất: Tại Biên bản hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất do UBND xã B tổ chức ngày 19/12/2013 giữa ông Hồ Văn L với ông Hồ T (Bút lục 192) và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông L

thừa nhận sau khi nhận đất và trồng cây trên đất, năm 1994 vợ chồng ông bỏ đi vào miền Nam để làm ăn. Ông Phạm Ngọc A, nguyên Trưởng ban kế hoạch Hợp tác xã B, là người phụ trách công tác quản lý ruộng đất và thủy lợi dự án PAM -4304 đi kiểm tra, nghiệm thu thì thấy vị trí đất giao cho ông Hồ Văn L đã trồng một phần diện tích phía Nam nhưng một phần cây trồng đã chết; tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu ông Hồ Văn L không có ở địa phương nên ông Phạm Ngọc A có giao phần diện tích đất đã giao cho ông Hồ Văn L vào năm 1993 cho ông Hồ T tiếp tục sử dụng vị trí đất của ông L sát ranh giới sử dụng của ông T, ông T quản lý trồng cây từ năm 1994 mãi cho đến khi dự án thu hồi thửa đất. Việc ông Phạm Ngọc A giao đất cho ông Hồ T tuy không có giấy tờ nhưng được ông A thừa nhận trong quá trình làm việc với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B vào ngày 06/4/2019 (Bút lục 262) và được ông xác nhận tại Giấy do ông Hồ T viết ngày 18/12/2013 (Bút lục 141). Đồng thời, nội dung này cũng phù hợp với xác nhận của ông Hồ Văn T, ông Mai L tại buổi làm việc với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B ngày 10/4/2019 (Bút lục 265) và các ông Nguyễn Đ, ông Hồ C khi làm việc với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B vào ngày 15/01/2019 (Bút lục 259). Trong quá trình kiểm tra thực địa, hiện trạng thửa đất vào ngày 20/10/2013 (Bút lục 43) và ngày 15/01/2019 (Bút lục 276), ông L cũng không xác định được vị trí, ranh giới thửa đất mà ông đã được giao vào năm 1993. Trong khi đó, ông Hồ T thừa nhận từ năm 1994 đến 2012, ông đã khai thác được 04- 05 vụ cây trồng trên đất; quá trình ông trồng và khai thác, thu hoạch cây, không có sự ngăn cản, tranh chấp, khiếu nại của bất kỳ ai. Do đó, có căn cứ xác định ông Hồ T là người sử dụng đất ổn định liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 101 Luật đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

[2.2]. Quá trình giải quyết đơn yêu cầu của ông Hồ Văn L; UBND xã B đã 02 lần tổ chức hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Văn L và ông Hồ T nhưng không thành; UBND xã B đã hướng dẫn ông Hồ Văn L khởi kiện đến Tòa án nhân dân để giải quyết tranh chấp theo quy định. Ngày 24/7/2015, ông L gửi đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đến Tòa án nhân dân huyện B, ngày 29/6/2016, nguyên đơn ông Hồ Văn L rút đơn khởi kiện với lý do chưa có đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Ngày 30/6/2016, Tòa án nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 08/2016/QĐDS-ST đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, UBND xã B đã ban hành Thông báo số 52/TB-UBND ngày 26/7/2016 về việc giải quyết đơn yêu cầu của ông Hồ Văn L và niêm yết công khai thông báo từ ngày 26/7/2016 đến ngày 08/8/2016; trong suốt thời gian thông báo, UBND xã B không nhận bất kỳ đơn khiếu nại, tranh chấp nào của ông Hồ Văn L. Hết thời hạn quy định, UBND xã B đã xác nhận diện tích 32.668,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất 796, tờ bản đồ số 01 (Bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 09/8/2016), chủ sử dụng đất là hộ ông Hồ T sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004 đến thời điểm thực hiện dự án không có tranh chấp, không vi phạm pháp luật đất đai là đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.3]. Trong quá trình gửi đơn yêu cầu, đơn khiếu nại đến các cơ quan chức năng và đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân; ngoài Hợp đồng do dự án PAM ký kết năm 1993 và các tài liệu kèm theo Hợp đồng; ông L cũng không có tài liệu, giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất đối với một phần thửa đất 796, tờ bản đồ số 01 mà ông tranh chấp với ông Hồ T. Mặt khác, Hợp đồng do dự án PAM ký kết năm 1993 chỉ quy định về loại cây trồng, kỹ thuật trồng và trách nhiệm của các bên trong quá trình trồng rừng, vì vậy đây không phải là một trong các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Do ông L không phải là người sử dụng đất ổn định và không có các giấy tờ quy định theo khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 nên ông L không đủ điều kiện để được thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại một phần thửa đất số 796.

[2.4]. UBND huyện B căn cứ hồ sơ do UBND xã B xác nhận chủ sử dụng đất là hộ ông Hồ T và quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai 2013, khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013, điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ xác định ông Hồ Văn L không đủ điều kiện để được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cũng không phải là người đang sử dụng đất để Nhà nước thu hồi, bồi thường về đất khi thực hiện dự án Cụm công nghiệp B đối với diện tích 32.668,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất 796, tờ bản đồ số 01 xã B (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 09/8/2016), là đúng quy định của pháp luật nên, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 về thu hồi đất của hộ ông Hồ T và Quyết định số Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hồ T, đồng thời ban hành Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 12/9/2019, không chấp nhận khiếu nại của ông Hồ Văn L là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bản án sơ thẩm không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Hồ Văn L về yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Văn L; Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 và Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND huyện B về việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hồ T là có căn cứ pháp luật và đúng với thực tế sử dụng đất của ông Hồ Văn L và ông Hồ T.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Hồ Văn L kháng cáo yêu cầu hủy các Quyết định số 993, 2293 và 2630 nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của ông Hồ Văn L. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hồ Văn L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Hồ Văn L. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Áp dụng: Điều a khoản 2 Điều 62, Điều 63, khoản 2 Điều 66, Điều 69, Điều 74, khoản 1 Điều 75 và khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn L về yêu cầu hủy các Quyết định:

- Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của UBND huyện B về thu hồi đất của hộ ông Hồ T, ở xã B;

- Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND huyện B về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hồ T, xã B, huyện B;

- Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Văn L, thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Hồ Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí chính phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm uáng án phí đã nộp tại biên lai số 0006037 này 11/9/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Án phí sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Trương Công Thi**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trương Minh Tuấn**

**Nguyễn Văn Tiến**